TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:122/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn giữa bà H và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Cường
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký TAND huyện C.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở TAND huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 378/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm 1986; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An.
Bị đơn: Ông **Lê Thành T**, sinh năm 1980; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Lê Thành T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005 và được Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/6/2005. Bà và ông T chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016-2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông Tân chỉ lo ăn chơi không chăm lo cho gia đình, xúc phạm cha mẹ vợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Bà và ông T đã sống ly thân khoảng năm tháng nay, ông Tân có thiện chí hàn gắn tình cảm nhưng bà không đồng ý vì bà đã cho ông Tân cơ hội nhiều lần nhưng tính tình ông T vẫn không thay đổi. Nay, bà H xét thấy không còn tình cảm với ông Tân, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thành T.

-Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Kim Th, sinh ngày 30/11/2005 và cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 25/01/2010. Tại phiên tòa bà H xác định cháu Th đang do ông T nuôi dưỡng, còn bà H đang nuôi dưỡng cháu N. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và đồng ý cho ông T tiếp tục nuôi cháu Th, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ: Không có nợ chung.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Thành T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Thành T. Ông Lê Thành T có nơi cư trú tại ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Thành T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc H và ông Lê Thành T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông T chỉ lo ăn chơi không chăm lo cho gia đình, xúc phạm cha mẹ vợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Hiện tại bà H không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tân nhưng ông T không đến Tòa án, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H để vợ chồng đoàn tụ, bà H cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, bà H không còn tình cảm với ông T và vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc H.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà Phan Thị Ngọc H cung cấp, bà H và ông T có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim Th, sinh ngày 30/11/2005 và cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 25/01/2010. Bà H xác định cháu Th đang do ông T nuôi dưỡng, còn bà H đang nuôi cháu N. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và đồng ý cho ông T tiếp tục nuôi cháu Th. Xét thấy, để ổn định cuộc sống và phù hợp với nguyện vọng của các cháu; phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử quyết định cho bà H được tiếp tục nuôi cháu N và ông T được tiếp tục nuôi cháu Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H xác định không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do ông Lê Thành T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

[2.5] Về quyền kháng cáo: bà Phan Thị Ngọc H và ông Lê Thành T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H về việc "Ly hôn" với ông Lê Thành T.

1.Về hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lê Thành T.

2.Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Phương N, sinh ngày 25/01/2010 và ông Lê Thành T được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Kim Th, sinh ngày 30/11/2005, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0011542 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung